SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Lai châu; 02/06/2025; 10:31:58; +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3443 /QĐ-UBND	*Thành phố Lai Châu, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 9 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Khung chính sách dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai);

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận

quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về Ban hành đơn giá bồi thường về tài sản, cây trồng, vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu thuộc dự án kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện 04 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1154/TTr-TNMT ngày 30/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 9 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu), cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ, tái định cư chủ đầu tư phải chi trả là: 61.734.024 đồng.

(Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn không trăm hai mươi tư đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	61.734.024 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	56.860.024 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	4.874.000 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND các xã, phường: San Thàng, Đông Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêng

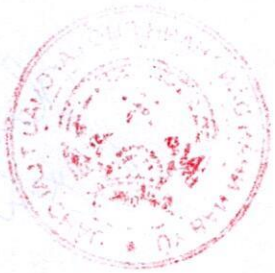

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 9
Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc (Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu).
(Kèm theo Quyết định số: 3443 /QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
A	**Tổng cộng**				**61,734,024**
1	**Chi trả cho chủ sở hữu**				**61,734,024**
a	*Về tài sản vật kiến trúc*				*56,860,024*
b	*Về cây cối hoa màu*				*4,874,000*
B	**Chi tiết cho các hộ dân**				**61,734,024**
1	**Hộ ông Nguyễn Minh Sắc**				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)				**2,458,487**
a	***Về tài sản vật kiến trúc:*** Nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất. Được ông Nguyễn Minh Sắc tạo lập năm 2012, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành về xây dựng, tài sản Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				***2,458,487***
1	Tấm đan BTCT (7*1,4*0,18)	m^3	1.764	1,393,700	2,458,487
2	**Hộ bà Lê Thị Thu Hiền (0964 231 456)**				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)				**1,170,708**
a	***Về tài sản vật kiến trúc:*** *Nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất. Được ông Lê Thị Thu Hiền tạo lập năm 2012, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành về xây dựng, tài sản Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.*				***1,170,708***
1	Tấm đan BTCT (7*1,2*0,1)	m^3	0.8	1,393,700	1,170,708
3	**Hộ ông Mai Đình Đồng (0396 966 112)**				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)				**1,792,590**
a	***Về tài sản vật kiến trúc:*** *Nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất. Được ông Mai Đình Đồng tạo lập năm 2012, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành về xây dựng, tài sản Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.*				***1,792,590***
1	Tấm đan BTCT (6,7*1,2*0,07)	m^3	0.6	1,393,700	784,374
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (6,7*1,8)	m^2	12.1	83,600	1,008,216

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
4	**Hộ ông Nguyễn Thị Vít (0386 510 798)**				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)				**1,170,598**
a	***Về tài sản vật kiến trúc:*** Nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất. Được ông Nguyễn Thị Vít tạo lập năm 2012, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành về xây dựng, tài sản Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				***1,170,598***
1	Tấm đan BTCT (5,4*1,0*0,1)	m^3	0.5	1,393,700	752,598
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (5,0*1,0)	m^2	5.0	83,600	418,000
5	**Hộ ông Trần Văn Hải (0988 618 469)**				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)				**2,049,157**
a	***Về tài sản vật kiến trúc:*** Nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất. Được ông Trần Văn Hải tạo lập năm 2012, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành về xây dựng, tài sản Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				***2,049,157***
1	Tấm đan BTCT (8,7*1,3*0,13)	m^3	1.5	1,393,700	2,049,157
6	**Hộ ông Hoàng Ngọc Hà**				
	Địa chỉ: Bản Cắng Đắng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b)				**12,380,130**
a	***Về tài sản vật kiến trúc:*** Nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất. Được ông Hoàng Ngọc Hà tạo lập năm 2015 khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành về xây dựng, tài sản Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				***11,370,130***
1	*Cống cuốn BTCT D=600*	*m*	*18.0*	*208,945*	*3,761,010*
2	*Nền BT đá dăm dày 10cm (5*3.8)*	*m2*	*19.0*	*83,600*	*1,588,400*
3	*Nền BT đá dăm dày 12cm (3.8*7.5)*	*m2*	*28.5*	*100,320*	*2,859,120*
4	*Nền lát gạch liên doanh (1.1*6)*	*m2*	*6.6*	*143,000*	*943,800*
5	*Nền lát gạch liên doanh (2.1*6)*	*m2*	*12.6*	*143,000*	*1,801,800*
6	*Thép hộp 4*8 dày 2ly*	*m*	*8.0*	*52,000*	*416,000*
b	***Về cây cối hoa màu***				***1,010,000***
1	*Hoa cây cảnh trồng theo hàng dài*	*m*	*10.0*	*84,000*	*840,000*

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
2	*Cây tre điền trúc chưa trưởng thành (Lấy măng)*	*Cây*	*4.0*	*30,000*	*120,000*
3	*Cây tùng D=5-10 cm (tính bằng cây Đa, Si, Sung, Vả)*	*Cây*	*1.0*	*50,000*	*50,000*
7	**Hộ bà Bùi Thị Hồng Hoa**				
	Địa chỉ: Bản Cắng Đắng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (Bằng a)				**15,931,446**
a	***Về tài sản vật kiến trúc:*** Nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất,. Được ông Bùi Thị Hồng Hoa tạo lập năm 2018, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành về xây dựng, tài sản Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				***15,931,446***
1	*Nền BT đá dăm dày 10cm (2.6*5.5)*	*m2*	*14.3*	*83,600*	*1,195,480*
2	*Tường xây gạch biT18 (1.0*5.0)*	*m2*	*5.0*	*149,600*	*748,000*
3	*Ống nước PVC Φ 110*	*m*	*30.0*	*66,500*	*1,995,000*
4	*BTCT (mái cổng)(1.6*5.6*0.3)*	*m3*	*2.7*	*1,393,700*	*3,746,260*
5	*Kè đá dưới chân tường (0.5*42.0*1)*	*m2*	*21.0*	*392,700*	*8,246,700*
8	**Hộ ông Nguyễn Văn Đang**				
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b)				**24,780,908**
a	***Về tài sản vật kiến trúc:*** Nằm trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất. Được ông Nguyễn Văn Đang tạo lập năm 2011, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành về xây dựng, tài sản Tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				***20,916,908***
1	Hàng rào sắt (10*0.7)	m2	7.0	255,000	1,785,000
2	Tường xây gạch bi T12 (10*1.3)	m2	13.0	127,600	1,658,800
3	Bó bờ sân hoàn chỉnh	m	11.5	48,400	556,600
4	Trát tường VXM không đánh màu (10*1.3)*2	m2	26.0	27,500	715,000
5	Trụ cổng BTCT (0.5*0.5*2.6)*2	m3	1.3	1,393,700	1,811,810
6	Trát VXM đánh mầu (0.5*2.1*4)*2	m2	2.6	31,900	82,940
7	Cổng sắt (3.4*2.2)	m	7.5	825,000	6,171,000
8	Biển quảng cáo khung sắt lợp tôn(2.0*3.0)	m2	6.0	200,000	1,200,000

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
9	Biển quảng cáo khung sắt lợp tôn (0.8*1.55)	m2	1.2	200,000	248,000
10	Sân bê tông đá dăm dày 10cm (2.5*3.4)	m2	8.5	83,600	710,600
11	Nền BT đá dăm dày 10cm (10*2.3)	m2	23.0	83,600	1,922,800
12	Nền BT đá dăm (1.4*3.5)	m2	4.9	83,600	409,640
13	Tường xây gạch bi T12 (3.3*1.6)	m2	5.3	127,000	670,560
14	Hàng rào sắt (3.3*0.7)	m2	2.3	255,000	589,050
15	Nền BT đá dăm dày 10cm (1.7*13.3)	m2	22.6	83,600	1,890,196
16	Nền BT đá dăm dày 10cm (3.7*1.6)	m2	5.9	83,600	494,912
b	**Về cây cối hoa màu**				**3,864,000**
1	Cây sấu R= 2-4	Cây	1.0	360,000	360,000
2	Cây bơ R> 4	Cây	1.0	660,000	660,000
4	Cây nhản R= 2-4	Cây	1.0	624,000	624,000
5	Cây nhãn R=1-2	Cây	1.0	420,000	420,000
6	Cây bơ R = 1-2	Cây	2.0	360,000	720,000
7	Cây bơ R=2-4	Cây	2.0	540,000	1,080,000